

## BÁO CÁO

### Đánh giá tác động của chính sách Quy định nội dung và mức chi thực hiện Đề án “Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021-2030” trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi

Kính gửi:

- Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi;
- Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2020) và các văn bản hướng dẫn thi hành; thực hiện chỉ đạo của UBND tỉnh về việc rà soát, xử lý văn bản quy phạm pháp luật sau sắp xếp đơn vị hành chính, Sở Giáo dục và Đào tạo báo cáo đánh giá tác động của chính sách quy định nội dung và mức chi thực hiện Đề án “Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021-2030” trên địa bàn tỉnh, cụ thể như sau:

#### I. XÁC ĐỊNH VẤN ĐỀ

##### 1. Bối cảnh xây dựng chính sách

##### 1.1. Bối cảnh trong nước

###### a) Bối cảnh pháp lý

Sau khi Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12/6/2025 của Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh; Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 28/4/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi về việc tán thành chủ trương hợp nhất tỉnh Kon Tum và tỉnh Quảng Ngãi đi vào thực tiễn, từ ngày 01/7/2025, trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi tồn tại hai chính sách Quy định nội dung và mức chi thực hiện Đề án “Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021-2030”<sup>1</sup> dẫn tới thiếu thống nhất trong thực thi chính sách giữa các địa bàn; ảnh hưởng đến việc thực hiện Đề án “Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021-2030” trên địa bàn tỉnh trong những năm tiếp theo.

Thực hiện Quyết định số 1810/QĐ-UBND ngày 11/12/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Kế hoạch xử lý các văn bản quy phạm pháp luật do HĐND tỉnh, UBND tỉnh Quảng Ngãi (cũ) và HĐND tỉnh, UBND tỉnh Kon Tum (cũ) ban

<sup>1</sup> Nghị quyết số 21/2022/NQ-HĐND ngày 12/9/2022 của HĐND tỉnh Quảng Ngãi (cũ) Quy định nội dung và mức chi thực hiện Đề án “Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021-2030” trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; Nghị quyết số 58/2022/NQ-HĐND ngày 29/8/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum (cũ) Quy định nội dung, mức chi thực hiện Đề án “Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021-2030” trên địa bàn tỉnh Kon Tum và hỗ trợ người dân tham gia học xóa mù chữ trên địa bàn tỉnh Kon Tum và Nghị quyết số 97/2024/NQ-HĐND ngày 09/12/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum (cũ) sửa đổi, bổ sung Điều 3 của Nghị quyết số 58/2022/NQ-HĐND ngày 29/8/2022 Quy định nội dung, mức chi thực hiện Đề án “Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021-2030” và hỗ trợ người dân tham gia học xóa mù chữ trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

hành; Quyết định số 511/QĐ-UBND ngày 12/02/2026 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung tại Kế hoạch xử lý các văn bản quy phạm pháp luật do HĐND tỉnh, UBND tỉnh Quảng Ngãi (cũ) và HĐND tỉnh, UBND tỉnh Kon Tum (cũ) về việc khẩn trương xử lý văn bản chịu sự tác động của việc sắp xếp tổ chức bộ máy. Nhu cầu cấp thiết là hợp nhất chính sách để đảm bảo tính thống nhất, công bằng và khả thi trong toàn tỉnh mới.

Bối cảnh pháp lý nêu trên cần thiết phải ban hành một Nghị quyết mới mang tính hợp nhất, đảm bảo thống nhất trong toàn tỉnh và phù hợp với điều kiện thực tiễn đã thay đổi.

#### *b) Bối cảnh kinh tế - xã hội*

Từ ngày 01/7/2025, tỉnh Quảng Ngãi có tổng diện tích 14.832,55 km<sup>2</sup> (xếp thứ 5 toàn quốc về diện tích); dân số tính đến thời điểm ngày 01/7/2025 đạt 2.161.755 người, với 96 đơn vị hành chính cấp xã (*bao gồm 86 xã, 09 phường và 01 đặc khu*).

Tỉnh Quảng Ngãi có nền kinh tế đa dạng, bao gồm cả kinh tế công nghiệp, kinh tế biển, nông nghiệp công nghệ cao và du lịch. Năm 2025, kinh tế - xã hội của tỉnh duy trì ổn định và có bước phát triển; nhiều chỉ tiêu chủ yếu đạt và vượt kế hoạch; cải cách hành chính, chuyển đổi số và môi trường đầu tư kinh doanh tiếp tục được cải thiện. Quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội được giữ vững, góp phần quan trọng tạo nền tảng cho phát triển bền vững. Kinh tế tiếp tục tăng trưởng, tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh (GRDP) năm 2025 (theo giá so sánh năm 2010) ước đạt 92.348 tỉ đồng, tăng 10,02% so với năm 2024. Quy mô nền kinh tế (GRDP theo giá hiện hành) năm 2025 ước đạt 191.612 tỉ đồng, tăng 11,3% so với năm 2024.

- Trong thời gian qua, Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh đã chỉ đạo quyết liệt đẩy mạnh thực hiện đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông; ngành giáo dục đã triển khai đầy đủ các Nghị quyết của Quốc hội và các văn bản về việc thực hiện đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông. Qua đó, đã góp phần nâng cao nhận thức tư tưởng chính trị trong đội ngũ nhà giáo; vai trò của từng cơ sở giáo dục, từng cán bộ quản lý giáo dục, từng giáo viên, nhân viên được khẳng định và phát huy, tạo nên động lực mạnh mẽ cho sự phát triển chung của giáo dục, tạo được niềm tin đối với chính quyền địa phương, cha mẹ học sinh và của cộng đồng đối với Ngành.

- Sở GDĐT đã tham mưu UBND tỉnh trình HĐND tỉnh ban hành các văn bản thuộc thẩm quyền của địa phương, tạo hành lang pháp lý đồng bộ để thực hiện mục tiêu đổi mới giáo dục, đào tạo. Hiện nay, các cấp, ngành đang quan tâm bố trí nguồn lực để đầu tư, hướng tới mục tiêu mọi học sinh đều được học tập trong phòng học kiên cố, an toàn và bền vững.

#### *c) Bối cảnh hành chính*

Sau khi sáp nhập đơn vị hành chính cấp tỉnh (sáp nhập Kon Tum - Quảng Ngãi), địa bàn tỉnh Quảng Ngãi hiện có hai chính sách song song, cụ thể là: Nghị quyết số 21/2022/NQ-HĐND ngày 12/9/2022 của HĐND tỉnh Quảng Ngãi (cũ)<sup>2</sup> và

<sup>2</sup> Quy định nội dung và mức chi thực hiện Đề án “Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021-2030” trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

Nghị quyết số 58/2022/NQ-HĐND ngày 29/8/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum (cũ); Nghị quyết số 97/2024/NQ-HĐND ngày 09/12/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum (cũ)<sup>3</sup>.

Việc xây dựng và ban hành Nghị quyết Quy định nội dung và mức chi thực hiện Đề án “Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021-2030” trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi là yêu cầu khách quan, cấp thiết trong bối cảnh tỉnh đang thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính, phát triển kinh tế- xã hội, đồng thời triển khai đồng bộ các chủ trương mới của Trung ương về phát triển giáo dục.

## **2. Mục tiêu xây dựng chính sách**

- Hợp nhất, điều chỉnh chính sách của Hội đồng nhân dân tỉnh sau sáp nhập (thay thế Nghị quyết số 21/2022/NQ-HĐND ngày 12/9/2022 của HĐND tỉnh Quảng Ngãi (cũ); Nghị quyết số 58/2022/NQ-HĐND ngày 29/8/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum (cũ); Nghị quyết số 97/2024/NQ-HĐND ngày 09/12/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum (cũ), áp dụng thống nhất trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi) đảm bảo phù hợp chủ trương của Trung ương, Chính phủ và điều kiện thực tiễn của tỉnh.

- Bảo đảm khả năng cân đối ngân sách và tính bền vững của chính sách.

- Đáp ứng nhu cầu thực tiễn khi tiếp tục thực hiện Đề án “Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021-2030” trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi đảm bảo công bằng và hài hòa quyền lợi cho đối tượng thụ hưởng, phù hợp với điều kiện, đặc điểm phát triển kinh tế-xã hội và khả năng ngân sách của tỉnh.

## **II. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA CHÍNH SÁCH**

### **1. Tác động đối với hệ thống pháp luật**

- Theo Quyết định số 1810/QĐ-UBND ngày 11/12/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Kế hoạch Xử lý các văn bản quy phạm pháp luật của HĐND tỉnh, UBND tỉnh Quảng Ngãi (cũ) và HĐND tỉnh, UBND tỉnh Kon Tum (cũ) thì nghị quyết thay thế các nghị quyết được viện dẫn áp dụng các nội dung của Quy định này (của 02 tỉnh) được dự kiến ban hành mới trong kỳ họp chuyên đề HĐND năm 2026 (trước ngày 01/6/2026) nên tại dự thảo tạm thời vẫn để áp dụng nội dung và mức chi cho đến khi có Nghị quyết mới ban hành thay thế.

- Hợp nhất, điều chỉnh chính sách của Hội đồng nhân dân tỉnh sau sáp nhập (thay thế Nghị quyết số 21/2022/NQ-HĐND ngày 12/9/2022 của HĐND tỉnh Quảng Ngãi (cũ); Nghị quyết số 58/2022/NQ-HĐND ngày 29/8/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum (cũ); Nghị quyết số 97/2024/NQ-HĐND ngày 09/12/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum (cũ), áp dụng thống nhất trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi đảm bảo phù hợp chủ trương của Trung ương, Chính phủ và điều kiện thực tiễn của tỉnh.

### **2. Tác động về kinh tế - xã hội:**

---

<sup>3</sup> Quy định nội dung, mức chi thực hiện Đề án “Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021-2030” trên địa bàn tỉnh Kon Tum và hỗ trợ người dân tham gia học xóa mù chữ trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

- Các cấp ủy đảng, chính quyền địa phương đã tổ chức quán triệt các văn bản có liên quan đến Nghị quyết Quy định nội dung và mức chi thực hiện Đề án “Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021-2030”; kiện toàn Ban Chỉ đạo PCGD, XMC tỉnh; Ban Chỉ đạo đã xây dựng Quy chế làm việc, phân công trách nhiệm đối với các thành viên trong Ban Chỉ đạo; chỉ đạo các Sở, ngành phối hợp trong việc thực hiện công tác PCGD, XMC ở địa phương.

- Ngành giáo dục và đào tạo tích cực trong chỉ đạo việc duy trì chuẩn PCGD, XMC; thành lập các đoàn kiểm tra công tác PCGD, XMC các huyện, thị xã, thành phố, đề nghị UBND tỉnh công nhận kết quả PCGD, XMC cho các huyện, thị xã, thành phố trong tỉnh.

- Các địa phương đã quan tâm đến việc kiện toàn Ban chỉ đạo phổ cập giáo dục, xóa mù chữ và đội ngũ cán bộ giáo viên phụ trách phổ cập giáo dục, xóa mù chữ; thực hiện tốt việc quản lý và lưu trữ hồ sơ phổ cập giáo dục, xóa mù chữ; coi trọng công tác điều tra cơ bản, rà soát đánh giá kết quả phổ cập giáo dục, xóa mù chữ; có các giải pháp tích cực để nâng cao chất lượng giáo dục; tích cực huy động các đối tượng diện phổ cập giáo dục ra lớp; nắm chắc tình hình, nguyên nhân học sinh bỏ học và có giải pháp khắc phục tình trạng này; tuyên truyền, vận động học sinh đến trường để duy trì sĩ số học sinh; củng cố, duy trì và nâng cao chất lượng đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non, phổ cập giáo dục tiểu học, phổ cập giáo dục trung học cơ sở và xóa mù chữ. Nhìn chung, việc thực hiện Đề án “Xây dựng XHHT giai đoạn 2021-2025” và thực hiện Nghị quyết Quy định nội dung và mức chi thực hiện Đề án “Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021-2030” trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi (cũ) và tỉnh Kon Tum (cũ) góp phần hoàn thành mục tiêu quốc gia “Xây dựng nông thôn mới” và thực hiện tốt cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” trên địa bàn. Bên cạnh đó, còn góp phần nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài góp phần xóa đói, giảm nghèo, nâng cao đời sống Nhân dân, thúc đẩy kinh tế - xã hội phát triển, an ninh - quốc phòng được giữ vững.

- Các trung tâm học tập cộng đồng đã chủ động điều tra đối tượng mù chữ và nhu cầu học tập của người dân để lên kế hoạch mở các lớp học theo nhu cầu, phù hợp với thời gian và điều kiện kinh tế của đa số người dân; thông báo về nội dung, địa điểm, thời gian học kịp thời đến người dân trong các tổ dân phố, các thôn, xóm, các cơ quan đơn vị trên địa bàn bằng các hình thức: gửi giấy mời, thông báo qua đài truyền thanh của xã, phường, đặc khu; duy trì, phát huy tốt các mô hình xây dựng “Gia đình học tập”, “Dòng họ học tập”, “Cộng đồng học tập”; đã phối hợp với các đơn vị trường học trên địa bàn xây dựng kế hoạch và tổ chức “Tuần lễ hưởng ứng học tập suốt đời” với hình thức, nội dung phù hợp; chuẩn bị đầy đủ cơ sở vật chất, bàn ghế, thiết bị dạy học kịp thời mở các lớp học xóa mù chữ cho người dân.

- Về năng lực cơ bản và trình độ người dân: Có 747.326 người được trang bị năng lực thông tin/1.071.695 người trong độ tuổi lao động, đạt tỷ lệ 69,7%; Có 750.453 người người được trang bị kỹ năng sống/ 1.071.695 người trong độ tuổi lao động, đạt tỷ lệ 70%; Có 430.128 người dân được đào tạo trình độ chuyên môn kỹ thuật/ 864.914 dân số từ 15 tuổi trở lên được đào tạo trình độ chuyên môn kỹ thuật,

đạt tỷ lệ 49% và có 185.421 số người có trình độ đại học/ 864.914 dân số từ 15 tuổi trở lên được đào tạo trình độ chuyên môn kỹ thuật, đạt tỷ lệ 21%.

- Kết quả thực hiện công tác phổ cập giáo dục, xóa mù chữ (tính đến tháng 12/2025):

+ Thực hiện phổ cập giáo dục tiểu học: Có 03/96 đơn vị cấp xã đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 2, tỉ lệ 3,13%; 93/96 đơn vị cấp xã đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 3, tỉ lệ 96,87%.

+ Thực hiện phổ cập giáo dục trung học: Số đơn vị cấp xã đạt chuẩn phổ cập giáo dục trung học cơ sở (đối với kiểm tra cấp tỉnh): Mức độ 1: Số lượng 01/96, tỉ lệ: 1,04 %; Mức độ 2: Số lượng 47/96, tỉ lệ: 48,96 %; Mức độ 3: Số lượng 48/96, tỉ lệ: 50 %.

+Thực hiện công tác xóa mù chữ: Tỷ lệ số người trong độ tuổi từ 15 - 60 đạt chuẩn biết chữ mức độ 1: 99,16%; mức độ 2: 97,04%;

+ Cơ sở vật chất, thiết bị dạy học, mạng lưới trường, lớp cấp Tiểu học: cơ bản đảm bảo thực hiện công tác PCGDTH, phục vụ cho việc học tập của học sinh.

+ Mạng lưới cơ sở giáo dục phổ thông thực hiện PCGD THCS có điều kiện giao thông đi lại cơ bản thuận lợi.

+ Người tham gia dạy học, theo dõi phổ cập giáo dục, xóa mù chữ cấp tiểu học có 8.618 số giáo viên (đạt chuẩn trình độ đào tạo trở lên (theo Luật Giáo dục 2019) 8092/8618 người, tỉ lệ: 93,89%; đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên: 8618/8618, tỉ lệ 100%; Tỉ lệ giáo viên/lớp: 1,46). 96/96 xã, phường, đặc khu đều có giáo viên phụ trách công tác PCGD-XMC.

+ Người tham gia dạy học, theo dõi phổ cập giáo dục, xóa mù chữ cấp Trung học cơ sở có 6.968 giáo viên; trong đó 6.712 giáo viên đạt chuẩn trình độ đào tạo (96,33%); 6.826 giáo viên thuộc diện đánh giá chuẩn nghề nghiệp, đạt 100%; 142 giáo viên không thuộc diện đánh giá; Tỉ lệ giáo viên/lớp: 1,97, hiện tại thừa thiếu cục bộ giữa các địa phương. 96/96 xã, phường, đặc khu đều có giáo viên phụ trách công tác PCGD-XMC.

Tỉnh Quảng Ngãi đủ điều kiện đạt chuẩn về phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 2, đạt chuẩn phổ cập giáo dục trung học cơ sở mức độ 2, đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 1 tại thời điểm tháng 12 năm 2025.

- Kết quả trong 03 năm (2023, 2024, 2025): Cả 02 tỉnh Quảng Ngãi và tỉnh Kon Tum đã tổ chức 255 lớp (bình quân 85 lớp/năm) với khoảng 6.398 người học (bình quân 2.130 người/năm, khoảng 25 học viên/lớp), Ngân sách địa phương chi khoảng 4 tỷ (ước bình quân khoảng 16 triệu/lớp học/năm; 1,36 tỷ/năm)

Thống kê đến ngày 31/12/2025, trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi còn 12.047 người có độ tuổi từ 15-60 mù chữ; theo đó, dự kiến trong giai đoạn 2026-20230, mỗi năm huy động được khoảng 2.400 người học xóa mù chữ; tổ chức 100 lớp học (bình quân 24 học viên/lớp) thì Dự kiến Ngân sách địa phương chi khoảng 1,6 tỷ/năm.

### 3. Giải pháp tối ưu được lựa chọn và lý do lựa chọn

TT	Nội dung	Giải pháp đề xuất lựa chọn	Lý do lựa chọn
1	Chi công tác phổ biến, giáo dục pháp luật nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các cấp, các ngành, các tổ chức, đoàn thể, các lực lượng xã hội tại địa phương về mục đích, ý nghĩa, vai trò và ích lợi của học tập suốt đời, xây dựng xã hội học tập; chi tổ chức Tuần lễ hưởng ứng học tập suốt đời hàng năm	Áp dụng mức chi tại Nghị quyết 31/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi Ban hành Quy định mức chi thực hiện công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi (Áp dụng mức chi thực hiện theo Nghị quyết số ..... /2026/NQ-HĐND của HĐND tỉnh Quy định mức chi thực hiện công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi)	Theo Quyết định 1810/QĐ-UBND ngày 11/12/2025 của CT UBND tỉnh ban hành Kế hoạch Xử lý các VB QPPL của HĐND tỉnh, UBND tỉnh Quảng Ngãi (cũ) và HĐND tỉnh, UBND tỉnh Kon Tum (cũ) (sau đây gọi tắt là KH xử lý VB 02 tỉnh), thì nghị quyết thay thế các nghị quyết được viện dẫn áp dụng nội dung này (của 02 tỉnh) được dự kiến ban hành mới (UBND đã trình Thường trực HĐND tại Tờ trình 147/TTr-UBND ngày 02/12/2025; Thường trực HĐND đã thống nhất việc đăng lý xây dựng Nghị quyết theo trình tự, thủ tục rút gọn tại Công văn số 251/HĐND-PC ngày 05/12/2025)
2	Chi công tác phí, chi thực hiện các nhiệm vụ kiểm tra, giám sát việc thực hiện Đề án tại địa phương, học tập kinh nghiệm mô hình xây dựng xã hội học tập hiệu quả trong nước; chi tổ chức các cuộc họp, hội nghị sơ kết, tổng kết các cấp trên địa bàn.	Áp dụng mức chi tại Nghị quyết số 15/2025/NQ-HĐND ngày 24/10/2025 của HĐND tỉnh Quảng Ngãi quy định mức chi công tác phí, chi hội nghị áp dụng đối với các cơ quan, đơn vị của tỉnh Quảng Ngãi	Nghị quyết 15/2025/NQ-HĐND ngày 24/10/2025 của HĐND tỉnh đã bãi bỏ các Nghị quyết của 02 tỉnh trước đây.
3	Chi đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ cho các đối tượng thuộc các hoạt động của Đề án; chi bồi dưỡng cho báo cáo viên/hướng dẫn viên tham gia giảng dạy tại Trung tâm học tập cộng đồng (bao gồm công tác chuẩn bị, soạn bài và báo cáo);	Áp dụng mức chi tại Nghị quyết số 04/2019/NQ-HĐND ngày 10/4/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi Quy định mức chi đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi (Áp dụng mức chi thực hiện theo Nghị quyết số	Theo KH xử lý VB 02 tỉnh, thì nghị quyết thay thế các nghị quyết được viện dẫn áp dụng nội dung này (của 02 tỉnh) được dự kiến ban hành mới trong kỳ họp chuyên đề HĐND trước tháng 6/2026 nên tại dự thảo tạm thời vẫn đề áp dụng Nghị quyết số 04/2019/NQ-HĐND ngày 10/4/2019 của

	chi đào tạo bồi dưỡng nâng cao năng lực quản lý của Trung tâm học tập cộng đồng	...../2026/NQ-HĐND của HĐND tỉnh Quy định mức chi đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi)	HĐND tỉnh cho đến khi có nghị quyết mới ban hành thay thế (Công văn số 5926/UBND-KTTH ngày 18/12/2025 giao Sở Tài chính tham mưu UBND tỉnh trình HĐND tỉnh tại Kỳ họp chuyên đề HĐND tỉnh trước tháng 6/2026)
<b>4</b>	Chi kiểm tra, đánh giá, xếp loại/ công nhận các mô hình học tập		
	a) Chi tổ chức các cuộc họp, hội nghị triển khai kế hoạch đánh giá, xếp loại/công nhận các mô hình học tập:	Áp dụng mức chi tại Nghị quyết số 15/2025/NQ-HĐND ngày 24/10/2025 của HĐND tỉnh Quảng Ngãi quy định mức chi công tác phí, chi hội nghị áp dụng đối với các cơ quan, đơn vị của tỉnh Quảng Ngãi	Nghị quyết số 15/2025/NQ-HĐND ngày 24/10/2025 của HĐND tỉnh đã bãi bỏ các Nghị quyết của 02 tỉnh trước đây
	b) Chi điều tra nhu cầu học tập, thu thập minh chứng, chi tổng hợp số liệu, viết báo cáo đánh giá, căn cứ quy mô, tính chất của từng cuộc điều tra, Thủ trưởng đơn vị được giao chủ trì thực hiện kiểm tra, đánh giá, xếp loại/công nhận các mô hình học tập:	Mức chi thực hiện theo mức tối đa quy định tại Nghị quyết số 07/2024/NQ-HĐND ngày 05/4/2024 của HĐND tỉnh Quảng Ngãi ban hành Quy định nội dung và mức chi của các cuộc điều tra thống kê do ngân sách địa phương bảo đảm. (Áp dụng mức chi thực hiện theo Nghị quyết số ...../2026/NQ-HĐND của HĐND tỉnh Quy định nội dung và mức chi của các cuộc điều tra thống kê do ngân sách địa phương bảo đảm)	Theo KH xử lý VB 02 tỉnh, thì nghị quyết thay thế các nghị quyết được viện dẫn áp dụng nội dung này (của 02 tỉnh) được dự kiến ban hành mới trong kỳ họp chuyên đề HĐND tháng 5/2026 nên tại dự thảo tạm thời vẫn đề áp dụng Nghị quyết số 07/2024/NQ-HĐND của HĐND tỉnh Quảng Ngãi cho đến khi có nghị quyết mới ban hành thay thế.
<b>5</b>	Chi tiền điện (hoặc dầu đèn) đối với các lớp học tại Trung tâm học tập cộng đồng ban đêm; chi hỗ trợ tài liệu, sách giáo khoa, đồ dùng phục vụ công tác giảng dạy, học tập tại các Trung tâm học tập cộng đồng.	Giám đốc Trung tâm học tập cộng đồng quyết định mức chi cụ thể trong phạm vi dự toán được giao của đơn vị để thực hiện và thanh toán theo hóa đơn thực tế phát sinh	Kế thừa Nghị quyết số 21/2022/NQ-HĐND ngày 12/9/2022 của HĐND tỉnh Quảng Ngãi
<b>6</b>	Chi cho công tác xóa mù chữ và phổ cập giáo dục		

<p>a) Chi cho các hoạt động điều tra, khảo sát phục vụ công tác xóa mù chữ và phổ cập giáo dục mầm non, phổ cập giáo dục tiểu học và phổ cập giáo dục trung học cơ sở</p>	<p>Mức chi thực hiện theo mức tối đa quy định tại Nghị quyết 07/2024/NQ-HĐND ngày 05/4/2024 của HĐND tỉnh Quảng Ngãi ban hành Quy định nội dung và mức chi của các cuộc điều tra thống kê do ngân sách địa phương bảo đảm (<i>Áp dụng mức chi thực hiện theo Nghị quyết số ...../2026/NQ-HĐND của HĐND tỉnh Quy định nội dung và mức chi của các cuộc điều tra thống kê do ngân sách địa phương bảo đảm</i>).</p>	<p>Theo KH xử lý VB 02 tỉnh, thì nghị quyết thay thế các nghị quyết được viện dẫn áp dụng nội dung này (của 02 tỉnh) được dự kiến ban hành mới trong kỳ họp chuyên đề HĐND tháng 5/2026 nên tại dự thảo tạm thời vẫn đề áp dụng Nghị quyết số 07/2024/NQ-HĐND ngày 05/4/2024 của HĐND tỉnh Quảng Ngãi cho đến khi có nghị quyết mới ban hành thay thế.</p>
<p>b) Đối với các học viên các lớp học xóa mù chữ được nhà nước hỗ trợ học phẩm</p>	<p>Học phẩm hỗ trợ cho học viên các lớp học xóa mù chữ trong phạm vi danh mục hỗ trợ học phẩm đối với cấp THCS quy định tại Khoản 6 Điều 2 TT liên tịch 09/2009/TTLTBTC-BGDĐT ngày 29/5/2009 của Bộ trưởng Bộ TC, Bộ trưởng Bộ GDĐT Hướng dẫn một số chế độ tài chính đối với học sinh các trường phổ thông DTNT và các trường dự bị đại học dân tộc. UBND tỉnh phê duyệt danh mục tên học phẩm và số lượng học phẩm hỗ trợ cho học viên các lớp học xóa mù chữ</p>	<p>Kế thừa Nghị quyết số 21/2022/NQ-HĐND ngày 12/9/2022 của HĐND tỉnh Quảng Ngãi</p>
<p>c) Ngân sách nhà nước hỗ trợ kinh phí chi thấp sáng ban đêm, chi mua sổ sách theo dõi quá trình học tập, sách giáo khoa dùng chung (đối với các lớp học phổ cập, xóa mù chữ ban đêm) và chi tuyên truyền, huy động người mù chữ, tái mù chữ đến lớp xóa mù chữ</p>		
<p>.-Chi hỗ trợ thấp sáng đối với các lớp học xóa mù chữ, phổ cập giáo dục ban đêm</p>	<p>Chi thực tế theo thời gian thực học nhưng không quá 80.000/lớp/tháng</p>	<p>Kế thừa Nghị quyết số 21/2022/NQ-HĐND ngày 12/9/2022 của HĐND tỉnh Quảng Ngãi</p>
<p>.-Chi hỗ trợ mua hồ sơ, sổ sách theo dõi quá trình học tập và văn phòng phẩm cho giáo viên để hoàn</p>	<p>Chi theo thực tế nhưng không quá 120.000 đồng/lớp/học kỳ</p>	<p>Kế thừa Nghị quyết số 21/2022/NQ-HĐND ngày 12/9/2022 của HĐND tỉnh Quảng Ngãi</p>

thành 01 môn học ở lớp phổ cập giáo dục, xóa mù chữ ban đêm		
-Chi mua sách giáo khoa dùng chung đối với các lớp học xóa mù chữ, phổ cập giáo dục ban đêm	Chi theo thực tế, đảm bảo mỗi học viên được mượn 01 bộ sách tương ứng với từng lớp học mà học viên đó đang theo học. Đơn vị được giao tổ chức lớp học có trách nhiệm tổ chức tốt việc cho mượn và bảo quản SGK để sử dụng lâu dài, có hiệu quả	Kế thừa Nghị quyết số 21/2022/NQ-HĐND ngày 12/9/2022 của HĐND tỉnh Quảng Ngãi
-Chi hỗ trợ cho người tham gia tuyên truyền, huy động người mù chữ, tái mù chữ đến lớp xóa mù chữ:	220.000 đồng/01 học viên đến lớp và hoàn thành lớp học.	Kế thừa Nghị quyết số 21/2022/NQ-HĐND ngày 12/9/2022 của HĐND tỉnh Quảng Ngãi
d) Chi tiền lương đối với giáo viên thuộc biên chế dạy lớp xóa mù, chống tái mù chữ thuộc nhiệm vụ chuyên môn của cơ sở giáo dục đào tạo công lập		
-Chi tiền lương đối với giáo viên thuộc biên chế dạy lớp xóa mù chữ, chống tái mù chữ thuộc nhiệm vụ chuyên môn của cơ sở giáo dục đào tạo công lập	Thực hiện theo Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14/12/2004 của Chính phủ về Chế độ tiền lương đối với CB, CC, VC và lực lượng vũ trang	Kế thừa Nghị quyết số 21/2022/NQ-HĐND ngày 12/9/2022 của HĐND tỉnh Quảng Ngãi
-Trường hợp số giờ dạy vượt định mức giờ chuẩn	Thực hiện theo Thông tư số 21/2025/TT-BGDĐT ngày 23/9/2025 của Bộ GDĐT Quy định chế độ trả tiền lương dạy thêm giờ đối với nhà giáo trong các cơ sở giáo dục công lập thuộc hệ thống giáo dục quốc dân.	Thực hiện theo Quy định chế độ trả tiền lương dạy thêm giờ đối với nhà giáo trong các cơ sở giáo dục công lập tại Thông tư số 21/2025/TT-BGDĐT ngày 23/9/2025 của Bộ GDĐT (có hiệu lực từ 23/9/2025)
đ) Chi tiền công theo hợp đồng lao động giảng dạy các lớp xóa mù chữ	Mức chi trên cơ sở lương tối thiểu vùng và đảm bảo tương quan với mức lương GV trong biên chế có cùng trình độ đào tạo, thâm niên công tác dạy cùng cấp học, lớp học theo quy định hiện hành của Nhà nước về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang	Kế thừa Nghị quyết số 21/2022/NQ-HĐND ngày 12/9/2022 của HĐND tỉnh Quảng Ngãi
.-Hỗ trợ chi phí ăn, ở, đi lại cho tình nguyện viên tham	Áp dụng mức chi tại Nghị quyết số 15/2025/NQ-	Nghị quyết số 15/2025/NQ-HĐND ngày số 24/10/2025

	gia giảng dạy các lớp xóa mù chữ:	HĐND ngày 24/10/2025 của HĐND tỉnh Quảng Ngãi quy định mức chi công tác phí, chi hội nghị áp dụng đối với các cơ quan, đơn vị của tỉnh Quảng Ngãi	của HĐND tỉnh đã bãi bỏ các Nghị quyết của 02 tỉnh trước đây
7	Khen thưởng	Theo quy định của pháp luật về thi đua, khen thưởng	Kế thừa NQ số 21/2022/NQ-HĐND ngày 12/9/2022 của HĐND tỉnh Quảng Ngãi
8	Chi hỗ trợ để khuyến khích người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số	500.000đồng/người (hoàn thành chương trình học). Chi hỗ trợ để khuyến khích người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số (theo Quyết định 25/QĐ-UBND ngày 16/01/2026 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi Phê duyệt danh sách thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, thôn đặc biệt khó khăn; xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, xã khu vực I, II, III giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi) tham gia học xóa mù chữ	Để phù hợp với chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, tạo điều kiện hỗ trợ để khuyến khích người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số tham gia học xóa mù chữ nên có mức chi hỗ trợ tại quy định Nghị quyết số 58/2022/NQ-HĐND ngày 29/8/2022 và số 97/2024/NQ-HĐND ngày 09/12/2024 của HĐND tỉnh Kon Tum

Trên đây là báo cáo đánh giá tác động của chính sách Quy định nội dung và mức chi thực hiện Đề án “Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021-2030” trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi, Sở Giáo dục và Đào tạo Quảng Ngãi kính báo cáo./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Sở Tư pháp;
- Giám đốc Sở GDĐT (báo cáo);
- Các Phó Giám đốc Sở GDĐT;
- Lưu: VT, VP, GDTXHSSV<sub>HNT</sub>.

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**

**Nguyễn Trọng Thắng**